TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị L (sau đây gọi là bà L) trình bày: bà L với ông Nguyễn Văn K (sau đây gọi là ông K) tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 17/01/2011. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/6/2013. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông K không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Mặc dù bà L nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông K không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Cháu H, cháu P đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng và học hành ổn định. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K; về con chung, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức P, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đã vi phạm các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L.

+ Về hôn nhân: bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: giao 02 con chung tên là Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức P cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ông K không cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

+ Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ly hôn với ông K, đồng thời yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Vì vậy,

quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn K có đăng ký thường trú tại xã B, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn K đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông K đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông K tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã B, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/KH, ngày 17/01/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông K phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy rằng, bà L và ông K sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng, ông K không quan tâm đến gia đình, thường xuyên cờ bạc, từ đó không còn tình cảm vợ chồng nên sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông K thông báo hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho ông K và bà L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông K đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông K mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4] Về quan hệ con chung: bà L và ông K có 02 con chung tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/6/2013. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu P; không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu H và cháu P đang sống chung với bà L và học hành ổn định. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của các cháu H, Phát ngày 05/5/2025 thì 02 cháu muốn được sống chung với mẹ. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và tạo điều kiện cho sự phát triển thể chất, tinh thần của cháu H và cháu P, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu P cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

1.1. Về hôn nhân: bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 10/6/2013.

Giao cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức P cho bà Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu H và cháu P đang sống chung với bà L). Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu.

Bà Bùi Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021821 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà L đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em